

Bản án số: **101/2023/HS-ST**

Ngày: 30- 9 - 2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

Ông **Nguyễn Ngọc Hùng Minh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Thái Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Phi H, T** gọi khác: Cu; Sinh năm 1991, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: **ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn 4/12; Con ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm: 1959 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm: 1961; Vợ: **Lê Thị Lệ H3**, sinh năm 1983; Con: có 01 con chung sinh năm 2011 (đã chết); Tiền án: có 04 tiền án:

- Tại bản án số 495/2008/HSPT ngày 20/5/2008, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong ngày 23/3/2010;

- Tại bản án số 71/2013/HSST ngày 27/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản";

- Tại bản án số 17/2014/HSPT ngày 24/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

- Tại bản án số 194/2014/HSPT Ngày 15/4/2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xử phạt 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích";

Tổng hợp hình phạt của 03 bản án là 12 năm 02 tháng tù. Chấp hành xong ngày 22/3/2021; Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2023 và bị tạm giam từ ngày 14/7/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C cho đến nay.

2. Họ và tên: **Phạm Tuấn P**, sinh năm 2000, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: **ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông **Phạm Văn H4**, sinh năm: 1967; và bà **Chè Ánh H5**, sinh năm: 1968; Vợ: **Lý Thanh T1**, sinh năm 1997; Con: có 01 con chung sinh năm 2020; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2023 và bị tạm giam từ ngày 14/7/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C cho đến nay.

3. Họ và tên: **Lê Công T2**, sinh năm 2000, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: **ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông **Lê Minh Đ**, sinh năm: 1970 và bà **Lê Thị T3**, sinh năm: 1972; Vợ: **Mã Gia L**, sinh năm 2001; Con: có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2023 đến ngày 14/7/2023 thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

*(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

- Bị hại:

Ông **Vàng Thương Mộng H6**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Nơi cư trú: **Ấp C, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Lê Đức T4**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Nơi cư trú: **Ấp A, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

2. Anh **Lê Văn T5**, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Nơi cư trú: **Khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

3. Chị **Phạm Ngọc Y**, sinh năm 1992. (có mặt)

Nơi cư trú: **ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

4. Anh **Lê Đình H7**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: **Ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

5. Bà **Lê Thị T3**, sinh năm 1972. (có mặt)

Nơi cư trú: **Ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 03/7/2023 **Phạm Tuấn P** cùng **Lê Công T2** đến nhà **Nguyễn Phi H** tại **ấp F, xã S, huyện C** chơi, tại đây **P** hỏi **H** "có chỗ nào đi kiếm tiền xài không?". Do **H** biết rẫy của ông **Vàng Thương Mộng H6**, sinh năm 1973 tại **ấp C, xã S, huyện C** có đoạn hàng rào lưới B40 không có người trông coi nên rủ **P** và **T2** đến tối sẽ đi cắt trộm bán lấy tiền tiêu xài thì **P** và **T2** đồng ý.

H chuẩn bị sẵn 01 kim cộng lực và 01 xe ba gác biển kiểm soát 60Y2-5406. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60B6-258.37 đến lô cao su thuộc ấp C, xã S đứng đợi, còn P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60B6-614.33 đến nhà H rồi để xe tại đây, sau đó H điều khiển xe ba gác chở P đến địa điểm cả ba đã hẹn là rẫy của ông H6. Tại đây, H đưa kim cộng lực cho T2 cắt lưới, H gỡ lưới còn P thì cuộn lưới lại, cả ba cắt được 11 cuộn lưới với tổng trọng lượng là 346 kg, đưa lên xe bagac chở về sau vườn nhà của H để cất giấu, rồi P và T2 đi về nhà ngủ.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 04/7/2023, P và T2 đến nhà, H để bán lưới, H gọi điện cho anh Lê Đức T4, sinh năm 1991, trú tại ấp A, xã C, huyện L là chủ vừa ve chai T thì anh T4 cho Lê Văn T5 sinh năm 1999, trú tại khu phố K, thị trấn L, huyện L là người làm của anh T6 đến nhà H để cân lưới B40 và chở lưới về vừa ve chai T. Trong khi anh T5 đang bốc dỡ 11 cuộn lưới B40 xuống thì ông H6 đến thông báo số lưới này là của ông và trình báo Cơ quan Công an đến xử lý.

Vật chứng vụ án: 11 cuộn lưới B40, tổng trọng lượng 346kg; 01 kim cộng lực cán màu xanh, quá trình điều tra, H khai sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xong H bỏ kim trên xe ba gác, trên đường đi về nhà đã rơi mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã truy tìm nhưng không thu giữ được; 01 xe mô tô hiệu biển kiểm soát 60B6-258.37; 01 xe mô tô biển kiểm soát 60B6-614.33; 01 xe ba gác biển kiểm soát 60Y2-5406.

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 11/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện C, tỉnh Đồng Nai kết luận: 11 cuộn lưới B40 có tổng trọng lượng là 346 kg, có giá trị là 2.422.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 20/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã truy tố bị cáo Nguyễn Phi H, Phạm Tuấn P, Lê Công T2 về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ giữ nguyên quyết định truy tố theo bản Cáo trạng và đề nghị:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Phong, T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo H, P, T2 đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội gây thiệt hại không lớn và bị hại đã có đơn xin bãi nại. bị cáo P và T2 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo H và P đã tự nguyện khắc phục hậu quả rào lại lưới B40 cho ông H6. Do đó, bị cáo H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo P được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo T2

được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phi H**, **Phạm Tuấn P** và **Lê Công T2** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo **Nguyễn Phi H** mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo **Phạm Tuấn P** mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo **Lê Công T2** mức án từ 04 tháng đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

Về xử lý vật chứng:

- 11 cuộn lưới B40, tổng trọng lượng 346kg là tài sản của ông **Vàng Thương Mộng H6** nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện C** đã trả lại cho ông **H6** theo quy định.

- 01 xe mô tô hiệu biển kiểm soát 60B6-258.37 là phương tiện **T2** điều khiển để đi trộm cắp. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà **Lê Thị T3** sinh năm 1972, thường trú **ấp F, xã S, huyện C**. Ngày 03/7/2023 **T2** tự ý lấy xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, bà **T3** không biết về việc này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà **T3** theo quy định.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 60B6-614.33 là phương tiện **P** điều khiển để đến nhà **H** nhằm mục đích đi trộm cắp. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị **Phạm Ngọc Y** sinh năm 1992 trú tại **ấp S, xã S, huyện C**. Ngày 03/7/2023 **P** mượn xe của chị **Y** để đi công việc, chị **Y** không biết **P** dùng xe để đi trộm cắp và trưa ngày 04/7/2023 **P** đã trả lại xe cho chị **Y** nên không tiến hành thu giữ, xử lý.

- 01 xe ba gác biển kiểm soát 60Y2-5406 là tài sản của anh **Lê Đình Hữu s** năm 1985 trú tại **ấp F, xã S, huyện C**. Ngày 01/7/2023 anh **H7** cho **H** mượn xe ba gác để đi xịt thuốc rầy bấp. Tuy nhiên, ngày 03/7/2023 **H** dùng xe ba gác để đi trộm cắp thì anh **H7** không biết. Quá trình điều tra xác định, người đứng tên trên giấy đăng ký xe là chị **Đỗ Thị Mộng P1**, sinh năm 1985, trú tại **khu phố P, thị trấn L, huyện L**. Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>; nhãn hiệu YMY Maxneo; Màu sơn: đỏ (không phải xe ba gác). Do nguồn gốc của xe chưa rõ ràng, Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện C** đã tách ra để xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vàng Thương Mộng H6 đã nhận lại được tài sản và gia đình của H, P đã rào lại lưới B40 cho ông H6 nên ông không yêu cầu gì thêm. Ông Lê Đức T4 khi mua lưới B40 của H chưa thực hiện việc thanh toán số tiền nào cho H nên ông không có yêu cầu gì.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ kết tội và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể, Vào khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 03/7/2023 tại rẫy của ông Vàng Thương Mộng H6, sinh năm 1973 thuộc ấp C, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Phi H, Phạm Tuấn P và Lê Công T2 đã có hành vi lén lút cắt trộm 11 cuộn lưới B40, trọng lượng 346kg, khi các bị cáo mang đi bán thì bị phát hiện, xử lý. Giá trị tài sản bị xâm hại là 2.422.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Phi H, Phạm Tuấn P và Lê Công T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Phi H đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo Phạm Tuấn P và Lê Công T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Phi H, Phạm Tuấn P và Lê Công T2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); gia đình bị cáo Nguyễn Phi H và Phạm Tuấn P đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo Phạm Tuấn P và Lê Công T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại

địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo **Phạm Tuấn P** là người khởi xướng việc phạm tội, bị cáo **Nguyễn Phi H** là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và tìm địa điểm để thực hiện hành vi phạm tội, sau đó các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó vai trò đồng phạm của bị cáo **H** và **P** cao hơn bị cáo **T2**.

[5] Về quyết định hình phạt: Mặc dù các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, bị cáo **Nguyễn Phi H** phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo **Phạm Tuấn P** là đối tượng nghiện ma túy. Do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo **H** và **P** ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo **Lê Công T2** có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà giao về cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục là đủ nghiêm.

[6] Đối với anh **Lê Đức T4** và anh **Lê Văn T5** làm nghề thu mua phế liệu, khi mua 11 cuộn lưới B40, trọng lượng 346kg thì anh **T4** và anh **T5** không biết đây là tài sản do **H** phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh **Lê Đức T4** và anh **Lê Văn T5** là phù hợp.

[7] Biện pháp tư pháp:

- Ông **Vàng Thương Mộng H6** đã nhận lại được tài sản và gia đình các bị cáo **H, P** đã rào lại lưới B40 cho ông **H6** nên ông không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xét.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 60B6-258.37 là phương tiện bị cáo **T2** điều khiển để đi trộm cắp, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của bà bà **Lê Thị T3** sinh năm 1972, thường trú **ấp F, xã S, huyện C**. Ngày 03/7/2023, bị cáo **T2** tự ý lấy xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Do đó, bà **T3** không có lỗi trong việc để cho bị cáo **T2** sử dụng xe mô tô vào việc thực hiện tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** không xem xét trách nhiệm hình sự và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà **T3** là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 60B6-614.33 là phương tiện bị cáo **P** điều khiển để đến nhà **H** rồi đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của chị **Phạm Ngọc Y** sinh năm 1992 trú tại **ấp S, xã S, huyện C**. Ngày 03/7/2023 bị cáo **P** mượn xe của chị **Y** để đi công việc, chị **Y** không biết **P** dùng xe để đi trộm cắp tài sản. Do đó, chị **Y** không có lỗi trong việc để cho bị cáo **P** sử dụng xe mô tô vào việc thực hiện tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** không xem xét trách nhiệm hình sự và không

thu giữ xe mô tô trên là phù hợp.

- Đối với 01 xe ba gác biển kiểm soát 60Y2-5406, anh **Lê Đình H7** khai mua vào năm 2021 của người tên **V** không rõ nhân thân lai lịch với giá 5.000.000 đồng, khi mua không có giấy đăng ký xe và không làm giấy mua bán. Ngày 01/7/2023 anh **H7** cho bị cáo **H** mượn xe ba gác để đi xịt thuốc rầy bấp. Tuy nhiên, ngày 03/7/2023 bị cáo **H** dùng xe ba gác để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, người đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 60Y2-5406; Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>; nhãn hiệu YMY Maxneo; Màu sơn: đỏ (không phải xe ba gác) là chị **Đỗ Thị Mộng P1**, sinh năm 1985, trú tại **khu phố P, thị trấn L, huyện L**. Tuy nhiên chị **P1** không có mặt tại địa phương và không xác định được nơi cư trú hiện tại của chị **P1**. Do chưa xác định được nguồn gốc của xe mô tô biển kiểm soát 60Y2-5406 nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện C** tách ra để tiếp tục xác minh và xử lý sau là phù hợp.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận phần phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phi H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phi H 01 (một)** năm **02 (hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo **Phạm Tuấn P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Tuấn P 06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2023.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo **Lê Công T2** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Lê Công T2 06 (sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01 (một)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Giao bị cáo **Lê Công T2** cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Nguyễn Phi H, Phạm Tuấn P** và **Lê Công T2** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Công an huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- NTG Công an huyện Cẩm Mỹ;
- Bị cáo;
- Lưu HS; THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tuấn**